

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2023
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Số 13, đường N G T, phường T P, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Nơi ở: Căn 14F3, tòa CT1A chung cư G C, phường T X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Số 13, đường N G T, phường T P, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2023, các lời khai tiếp theo và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại UBND phường T P, thành phố Bắc

Giang tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh N ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không quan tâm đến vợ con, nghi ngờ chị có người đàn ông khác rồi đánh chửi chị. Năm 2020 chị đã từng làm đơn xin ly hôn anh N nhưng anh N hứa sửa chữa nên chị lại rút đơn. Sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục cãi vã xô xát nên tháng 11/2020 chị đã thuê nhà để mẹ con chị ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 13/4/2015 và Nguyễn Phú H, sinh ngày 20/9/2019. Các con hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm kế toán ở Công ty cổ phần 379, thu nhập trung bình 14.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai, các lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày:* Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu như chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung như chị H trình bày là đúng. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị H. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con Nguyễn Phú H, sinh ngày 20/9/2019, giao cho chị H nuôi con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 13/4/2015, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị H 5.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 13/6/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Gia đình anh hiện kinh doanh ăn uống tại nhà, thu nhập khoảng 15-20 triệu đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng

xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Đề nghị HĐXX áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 271, 272 và 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoài An, sinh ngày 13/4/2015 . Giao anh Nguyễn Minh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Phú Hưng, sinh ngày 20/9/2019.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị H 5.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 13/6/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thu H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Minh N và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh N đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại UBND phường T P, thành phố Bắc Giang tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị H và anh N đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và tha thiết xin ly hôn. Anh N mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh N cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh N.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh N có hai con chung là Nguyễn Hoài An, sinh ngày 13/4/2015 và Nguyễn Phú Hưng, sinh ngày 20/9/2019. Hiện nay các cháu đang ở với chị H, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cả hai con. Anh N đề nghị được nuôi con Nguyễn Phú Hưng, sinh ngày 20/9/2019.

Xét về điều kiện nuôi con thì cả chị H và anh N đều có công việc ổn định, có thu nhập và có đủ điều kiện để nuôi con. Chị H và anh N có hai con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cháu Hoài An là con gái có nguyện vọng được ở với chị H nên giao cho chị H trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoài An. Giao cho anh N nuôi con Nguyễn Phú Hưng.

Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị H 5.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 13/6/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoài An, sinh ngày 13/4/2015. Anh Nguyễn Minh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Phú Hưng, sinh ngày 20/9/2019. Sau khi ly hôn chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H, anh N thực hiện quyền này.

Anh Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hoài An, sinh ngày 13/4/2015 cho chị H 5.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 13/6/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002110 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Anh Nguyễn Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Báo cho các đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- UBND phường T P, TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy